

CÔNG TY CỔ PHẦN CÈNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN
Địa Chỉ: Khu phố 11, Phường Bình Tân, Huyện Lagi, Tỉnh Bình Thuận
MST: 3600802882

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ II - NĂM 2017

(Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017)

Gồm các biểu:

- | | |
|---|----------------|
| 1. Bảng cân đối kế toán | (Mẫu số Q-01D) |
| 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | (Mẫu số Q-03D) |
| 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | (Mẫu số Q-03D) |
| 4. Thuyết minh BCTC | (Mẫu số B0-DN) |



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		926,441,861,434	862,406,152,566
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	266,572,822	41,677,322,088
1. Tiền	111		266,572,822	41,677,322,088
2. Các khoản tương đương tiền	112			-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			-
1. Chứng khoán kinh doanh	121			-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		907,411,504,718	803,811,629,278
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	299,469,979,815	176,110,760,515
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	404,637,900,479	373,945,395,172
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4		91,885,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	204,280,394,120	162,847,243,287
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	-976,769,696	(976,769,696)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			-
IV. Hàng tồn kho	140		3,211,821,251	2,933,435,166
1. Hàng tồn kho	141	V.7	3,211,821,251	2,933,435,166
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15,551,962,643	13,983,766,034
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15,551,962,643	13,983,766,034
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			-

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		649,047,789,705	300,215,144,648
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		165,220,000	16,146,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.8		16,000,000,000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.9	165,220,000	146,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			-
II. Tài sản cố định	220		114,238,182,494	114,081,548,705
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	8,885,982,494	8,729,348,705
<i>Nguyên giá</i>	222		16,458,286,843	16,458,286,843
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		-7,572,304,349	(7,728,938,138)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			-
<i>Nguyên giá</i>	225			-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226			-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	105,352,200,000	105,352,200,000
<i>Nguyên giá</i>	228		105,352,200,000	105,352,200,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229			-
III. Bất động sản đầu tư	230			-
<i>Nguyên giá</i>	231			-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232			-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	195,687,595,943	169,987,595,943
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài	241			-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		195,687,595,943	169,987,595,943
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		338,925,791,268	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		238,525,791,268	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			-
6. Đầu tư tài chính dài hạn khác			100,400,000,000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		31,000,000	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		31,000,000	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			-
4. Tài sản dài hạn khác	268			-
5. Lợi thế thương mại	269			-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,575,489,651,139	1,162,621,297,214

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		348,749,474,787	177,930,396,583
I. Nợ ngắn hạn	310		348,749,474,787	143,891,763,223
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	273,108,506,298	123,905,757,871
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	33,175,919,553	10,046,052,359
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	10,020,532,424	9,699,393,341
4. Phải trả người lao động	314		187,000,000	180,000,000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng x	317			-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		-6,873,043,140	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		39,070,000,000	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		60,559,652	60,559,652
13. Quỹ bình ổn giá	323			-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			-
II. Nợ dài hạn	330		0	34,038,633,360
1. Phải trả người bán dài hạn	331			-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			-
7. Phải trả dài hạn khác	337			-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16		34,038,633,360
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			-

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,226,805,379,251	984,690,900,631
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	1,226,805,379,251	984,690,900,631
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1,177,027,110,417	934,273,600,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,177,027,110,417	934,273,600,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			-
5. Cổ phiếu quỹ	415			-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		849,189,834	849,189,834
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		283,063,278	283,063,278
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		48,646,015,722	44,492,518,783
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ t	421a		44,492,518,783	38,423,715,057
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4,153,496,939	6,068,803,726
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			4,792,528,736
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			-
1. Nguồn kinh phí	431			-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố đ	432			-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,575,554,854,038	1,162,621,297,214

0

Lập, ngày 10 tháng 7 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Trần Kiên Cường

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Hình

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị Xã Lagi, Tỉnh Bình Thuận

Mẫu số B 02 - DN

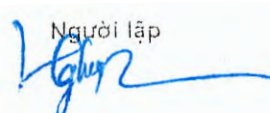
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

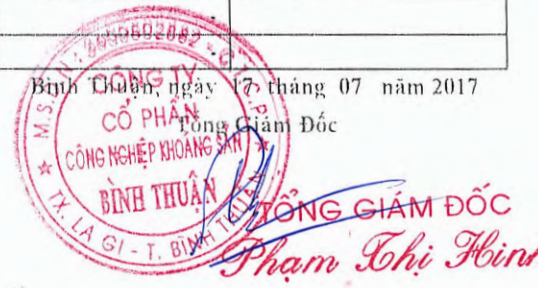
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã chỉ	Thuyết minh	Quý II Năm 2017	Quý II Năm 2016	Lũy kế năm 2017	Lũy Kế Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	102.857.348.180	89.947.533.000	135.206.521.680	159.251.970.395
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		102.857.348.180	89.947.533.000	135.206.521.680	159.251.970.395
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	101.608.144.500	87.813.882.900	133.260.888.000	155.918.226.495
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.249.203.680	2.133.650.100	1.945.633.680	3.333.743.900
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	1.525.008.456	3.580.000.000	1.525.009.212	4.418.000.000
7. Chi phí hoạt động tài chính	22				-	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23				-	0
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24				-	0
9. Chi phí bán hàng	25	VII.8.b	0	197.947.095	-	263.929.460
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8.a	195.978.910	1.156.321.536	559.914.246	1.782.143.072
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ((30=20+(21-22)-24(25+26))	30		2.578.233.226	4.359.381.469	2.910.728.646	5.705.671.368
12. Thu nhập khác	31				-	0
13. Chi phí khác	32				-	0
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40				-	0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.578.233.226	4.359.381.469	2.910.728.646	5.705.671.368
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		515.646.645	871.876.294	582.145.729	1.141.134.274
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52				-	0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.062.586.581	3.487.505.175	2.328.582.917	4.564.537.094
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61				-	
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62				-	
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Người lập


Kế toán trưởng


Bình Thuận, ngày 17 tháng 07 năm 2017
 Tổng Giám Đốc
Phạm Thị Hồng


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý II 2017

Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết Minh	Kỳ này	Kỳ Trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			0	0
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		81.974.950.000	12.550.887.399
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-89.294.650.000	-6.915.468.000
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ (1)	02A		0	0
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ (2)	02B		-89.294.650.000	-6.915.468.000
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-40.189.000.000	-496.991.044
4. Tiền lãi vay đã trả	04		0	0
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		0	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		575.009.212	55.020.468.127
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-122.386.600	-50.156.599.672
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		-47.056.077.388	10.002.296.810
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			0	0
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22A		0	0
- Tiền chi liên quan đến thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS khác	22B		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-1.700.000.000	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	502.101
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-1.700.000.000	502.101
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			0	
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã p	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		10.165.000.000	0
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-2.746.000.000	0
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0

6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.419.000.000	0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		-41.337.077.388	10.002.798.911
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.I	41.432.119.189	155.373.562.467
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
- Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá	61A		0	0
- Lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá	61B		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.I	266.572.822	165.376.361.378

Người Lập



Kế Toán Trưởng



Trần Văn Cường

Tổng Giám Đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Hinh

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý II/2017**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Khai thác, thương mại
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
- Kinh doanh kim loại và các loại quặng kim loại, thiết bị máy móc.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
5. **Danh sách các công ty con được hợp nhất:**

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
1	Công ty TNHH năng lượng xanh KSA	Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận	87,93%
2	Công ty TNHH MTV công nghiệp khoáng sản Bình Thuận BTC	Thôn Bàu Diên (Cụm Công nghiệp Thăng Hải), Xã Thăng Hải, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận	100%
3	Công ty TNHH MTV chế biến Zircon Bình Thuận	Thôn Bàu Diên (Cụm Công nghiệp Thăng Hải), Xã Thăng Hai, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận	100%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty Cổ phần công nghiệp khoáng sản Bình Thuận (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con sẽ được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyên nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng là 20%.

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả)

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng to được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phát sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	147.280.968	1.558.005.200
Tiền gửi ngân hàng	119.291.854	40.119.316.888
Cộng	<u>266.572.822</u>	<u>41.677.322.088</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần khoáng sản và VLXD Gia Lai	40.145.599.045	69.845.599.045
Công ty cổ phần khai thác và chế biến khoáng sản Yên Bái	0	1.718.082.806
Công ty cổ phần khoáng sản luyện kim màu	3.171.907.200	3.171.907.200
Công ty cổ phần khoáng sản Hòa Bình	6.866.823.584	6.866.823.584
DNTN Nguyễn Thành Giang	25.332.230.000	25.332.230.000
Công ty TNHH Tư vấn – Thiết kế - Xây dựng Phú Hòa	33.627.920.582	33.627.920.582
Công ty TNHH thép Việt Long	34.925.957.536	34.925.957.536
Công ty TNHH MTV chế biến cát Bình Thuận	341.550.000	341.550.000
Công Ty Hữu Hạn bảo Tường Quảng Tây	115.676.521.680	0
Các khách hàng khác	39.100.788.426	280.689.762
Cộng	<u>299.469.979.815</u>	<u>176.110.760.515</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Ngôi nhà đầu tiên	69.700.000.000	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bao Thư	45.105.786.000	46.092.192.727
Công ty TNHH Hạnh Vân	60.980.000.000	70.000.000.000
Công ty TNHH Tư vấn - TK - XD Phú Hòa	150.000.000.000	150.000.000.000
Công ty TNHH NLGS Xây dựng Thiên Lợi	15.000.000.000	15.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	63.852.114.479	12.853.202.445
Cộng	<u>404.637.900.479</u>	<u>373.945.395.172</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>91.885.000.000</i>	<i>91.885.000.000</i>
Cho Bà Nguyễn Thị Mai	9.285.000.000	9.285.000.000
Cho Ông Nguyễn Lê Thành Trí	40.000.000.000	40.000.000.000
Các Đối tượng khác	42.600.000.000	42.600.000.000
Cộng	91.885.000.000	91.885.000.000

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Bà Phạm Thị Hằng - Phải thu về tạm ứng	27.000.000.000	-	27.000.000.000	-
Ông Phạm Xuân Ái - Phải thu về tạm ứng	70.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Ông Trần Anh Tú - Phải thu về tạm ứng	70.000.000.000	-	70.000.000.000	-
Tiền lãi cho vay	3.787.594.613	-	3.787.594.613	-
Ký cược, ký quỹ	19.220.000	-	19.220.000	-
Tạm ứng các đối tượng khác	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Phải thu khác	1.840.428.674	-	1.840.428.674	-
<i>Lê Thị Phương Dung</i>	-	-	-	-
<i>Công ty TNHH Bảo Anh</i>	379.166.667	265.416.667	379.166.667	265.416.667
<i>Các đối tượng khác</i>	3.071.818.060	18.319.728	1.461.262.007	18.319.728
Cộng	204.280.394.120	283.736.395	162.847.243.287	283.736.395

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	900.000.000	-	900.000.000	-
Hàng hóa	2.311.821.251	-	2.033.435.166	-
Cộng	3.211.821.251	-	2.933.435.166	-

7. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>16.000.000.000</i>	<i>16.000.000.000</i>
Cho Ông Phan Châu vay với lãi suất 10%/năm	16.000.000.000	16.000.000.000
Cộng	16.000.000.000	16.000.000.000

8. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký cược, ký quỹ dài hạn	146.000.000	146.000.000
Cộng	146.000.000	146.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	7.969.338.946	1.987.526.882	6.029.666.723	412.863.242	58.891.050	16.458.286.843
Số cuối năm	7.969.338.946	1.987.526.882	6.029.666.723	412.863.242	58.891.050	16.458.286.843
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	4.299.685.949	1.842.377.567	1.198.756.594	329.226.978	58.891.050	7.728.938.138
Tăng do trích khấu hao	324.950.683	122.441.368	53.105.117	83.636.264		584.133.432
Số cuối năm	4.624.636.632	1.964.818.935	1.251.861.711	412.863.242	58.891.050	8.313.071.570
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	3.669.652.997	145.149.315	4.830.910.129	83.636.264	-	8.729.348.705
Số cuối năm	3.344.702.314	22.707.947	4.777.805.012	0	-	8.145.215.273

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

Là giá trị quyền sử dụng đất thừa số 371 tờ bản đồ số 90 có diện tích 105.930 m² tại Xã Hai Thằng, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận.

11. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang	169.987.595.943	169.987.595.943
Công trình nhà máy xi Titan	150.748.197.160	150.748.197.160
Công trình khác	19.239.398.783	19.239.398.783
Cộng	169.987.595.943	169.987.595.943

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần khai thác và chế biến khoáng sản Yên Bái	3.417.265.200	3.417.265.200
Công ty cổ phần chứng khoán VSM	48.000.000	48.000.000
Công ty cổ phần khoáng sản Luyện kim màu	82.536.193.861	82.536.193.861
Công ty TNHH Thép Việt Nga	34.821.503.483	34.821.503.483
Công ty hữu hạn Hoa Điện	115.445.888.000	
Các nhà cung cấp khác	36.839.655.754	3.082.795.327
Cộng	273.108.506.298	123.905.757.871

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần khai thác và chế biến khoáng sản Yên Bái	-	-
Công ty TNHH Hoàng Thiên	10.046.052.359	10.046.052.359
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư	46.052.339	46.052.339
Các đối tượng khác	10.000.000.000	10.000.000.000
Các đối tượng khác	20	20
Cộng	10.046.052.359	10.046.052.359

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.596.013.200	-			8.596.013.200	-
Thuế thu nhập cá nhân	963.856.382	-			963.856.382	-
Các loại thuế khác	139.523.759	-			139.523.759	-
Cộng	9.699.393.341	-			9.699.393.341	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn cá nhân	32.661.000.000			32.661.000.000
Vay dài hạn tổ chức	1.377.633.360			1.377.633.360
Cộng	34.038.633.360			34.038.633.360

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	411.780.623.720	849.189.834	283.063.278	32.711.233.459	4.227.719.139	411.780.623.720
Tăng vốn bằng tiền	560.564.160.000	-	-	-	-	560.564.160.000
Lợi nhuận trong năm trước	6.112.108.441	-	-	5.712.481.598	399.626.843	6.112.108.441
Số dư cuối năm trước	978.456.892.161	849.189.834	283.063.278	38.423.715.057	4.627.345.992	978.456.892.161
Số dư đầu năm nay	984.690.900.631	849.189.834	283.063.278	44.492.518.783	4.792.528.736	984.690.900.631
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	2.539.229.562	-	-	2.539.229.562	-	2.539.229.562
Số dư cuối năm nay	<u>984.230.130.193</u>	<u>849.189.834</u>	<u>283.063.278</u>	<u>47.031.748.345</u>	<u>4.792.528.736</u>	<u>984.230.130.193</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***Tổng doanh thu*

	<u>Quý II/2017</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	102.857.348.180	108.420.579.356
Cộng	<u>102.857.348.180</u>	<u>108.420.579.356</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	101.608.144.500	103.628.041.344
Cộng	<u>101.608.144.500</u>	<u>103.628.041.344</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.456	8.853.980.422
Cộng	<u>8.456</u>	<u>9.642.280.422</u>

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cộng	<u>195.978.910</u>	<u>5.232.614.466</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.053.233.226	8.124.559.134
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	1.022.944.016
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.053.233.226	2.012.450.693

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.053.233.226	5.712.481.598
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.053.233.226	5.712.481.598
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	93.427.360	43.974.399
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	11,2	130

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Trần Kiên Cường

Lập ngày 25 tháng 07 năm 2017

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Hình